



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02551/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.KT1: "Khí thải tại ống khói lò đốt Công suất 1500 kg/h.
Tọa độ: X: 1200901,64 Y:582266,96"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				26.1012.KT1	Giá trị tối đa cho phép
1	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	8.016	-
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	43	180
3	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	47,5	100
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	250
5	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	84,8	500
6	HCl ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 26	KPH (LOD=0,05)	50
7	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,009)	0,2
8	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0001)	0,16
9	Chì (Pb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	1,2
10	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng ^(b)	mg/Nm ³	-	KPH	1,2
11	Asen (As) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-
	Antimon (Sb) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	-
	Niken (Ni) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	--
	Coban (Co) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-
	Đồng (Cu) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				26.1012.KT1	Giá trị tối đa cho phép
	Crôm (Cr) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,1)	-
	Thiếc (Sn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-
	Mangan (Mn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,02)	-
	Tali (Tl) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	-
	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 29 SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	-
12	Hydrocacbon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
8. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 04055/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1024.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1024.KT1: "Khí thải tại ống khói lò đốt Công suất 1500 kg/h.
Tọa độ: X: 1200901,64 Y:582266,96"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 30:2012/BTNMT
				26.1024.KT1	Giá trị tối đa cho phép
1	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	141	250

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Lò đốt chất thải công nghiệp
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiễn



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02552/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KT2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **26.1012.KT2: "Khí thải tại ống khói hệ thống tái chế dung môi (Đo tại nguồn thải).**
Tọa độ: X:1200911,52 Y:582263,86"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				26.1012.KT2	Cột B	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	1.558	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	16,7	200	-
3	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	500	-
4	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	850	-
5	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	1.000	-
6	Benzene ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,06)	-	5
7	Toluen ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	750
8	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,5)	-	870

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02553/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KT3
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **26.1012.KT3: "Khí thải tại HTXL tái chế dầu nhớt (Đo tại nguồn thải).**
Tọa độ: X:1200944,65 Y:582291,69"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 56:2013/BTNMT
				26.1012.KT3	Giá trị cho phép
1	Lưu lượng ^(b)	Nm ³ /h	US EPA 02	2.128	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	12,4	150
3	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	0,28	7,5
4	SO ₂ ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=2,62)	500
5	NO _x , (tính theo NO ₂) ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,88)	600
6	CO ^(b)	mg/Nm ³	QTKT.02/LAET	KPH (LOD=1,14)	1.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 56:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02554/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Nước thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.NT1: "Nước thải sau HTXL. Tọa độ: X: 1200849,75 Y:582290,30"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				26.1012.NT1	Cột A
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	6,98	6 ÷ 9
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,3	40
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	KPH (LOD=5)	50
4	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	30
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	13	75
6	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	KPH (LOD=1)	20
7	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,06	4
8	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (LOD=0,5)	5
9	Crom III (Cr ³⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023 SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,2
10	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (LOD=0,003)	0,05
11	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,005
12	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,05
13	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,1
14	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,05
15	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	5
16	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,032	0,2



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				26.1012.NT1	Cột A
17	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	3
18	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	2
19	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	1
20	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	208,8	500
21	Xyanua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,07
22	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,1
23	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (LOD=2)	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02555/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.CT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : **Chất thải rắn**
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **26.1012.CT1: "Tro thải tại kho chứa tro lò đốt. Tọa độ: X:1200877,95 Y:582287,20"**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				26.1012.CT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	Asen (As) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)	37,34
2	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,010)	9,335
3	Niken (Ni) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	508,0	1.306,9
4	Thủy Ngân (Hg) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 7471B	KPH (LOD=0,300)	3,734
5	Tổng Crôm (Cr) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	536,5	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 0,96
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





Số PKQ: 04056/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1024.CT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Chất thải rắn
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1024.CT1: "Tro thải tại kho chứa tro lò đốt. Tọa độ: X:1200877,95 Y:582287,20"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				26.1024.CT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	7,48	291,45
2	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	477,6	4.857,5

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 0,97
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02557/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KT2
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ** Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ** Loại mẫu : Khí thải
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : **26.1012.KT2: "Khí thải tại ống khói hệ thống tái chế dung môi (Đo tại nguồn thải).**
Tọa độ: X:1200911,52 Y:582263,86"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				26.1012.KT2 KPH (LOD=0,025)
1	Aceton ^(c)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649	

Ghi chú:

- (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, kết quả chỉ có giá trị tham khảo;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc


KS. Trần Thị Phương Linh


ThS. Phan Thị Hoài Trinh


TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02556/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.CT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Chất thải rắn
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.CT2: "Chất thải (gạch) tại khi chứa gạch sau đóng rắn.
Tọa độ: X:1200933,63 Y:582276,56"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				26.1012.CT2	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	Asen (As) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)	37,34
2	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,010)	9,335
3	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	3,56	280,05
4	Niken (Ni) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	126,0	1.306,9
5	Thủy Ngân (Hg) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 7471B	KPH (LOD=0,300)	3,734
6	Tổng Crôm (Cr) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	96,20	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 0,96
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền





Số PKQ: 04057/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1024.CT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Chất thải rắn
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1024.CT2: "Chất thải (gạch) tại khi chứa gạch sau đóng rắn.
Tọa độ: X:1200933,63 Y:582276,56"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT
				26.1024.CT2	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	22,54	5.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 1
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02558/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.ĐT1
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ**
Địa điểm đo : **NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ**
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí đo : **Cột chống sét**

Ngày đo : 14/03/2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thiết bị đo	Kết quả
1	Điện trở tiếp đất ^(c)	Ω	Máy đo điện trở	0,84

Ghi chú:

1. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, kết quả chỉ có giá trị tham khảo;
2. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
3. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
4. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
5. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02714/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KK1-2
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Không khí
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.KK1: "Khu vực trung tâm nhà máy. Tọa độ: X:1201295,45 Y:582309,17"
26.1012.KK2: "Khu vực lò đốt. Tọa độ: X:1200856,09 Y:582266,57"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK1	26.1012.KK2	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	29,6	29,8	18 - 32 ⁽²⁾
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	68,3	68,5	40- 80 ⁽²⁾
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,4	0,2 – 1,5 ⁽²⁾
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	129° Đông Nam	125° Đông Nam	-
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,6	67,2	≤ 85 ⁽¹⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	118	186	8.000 ⁽³⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	7.071	8.089	20.000 ⁽⁴⁾
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	59	71	5.000 ⁽⁴⁾
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	65	86	5.000 ⁽⁴⁾
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	5.000 ⁽⁴⁾



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK1	26.1012.KK2	
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	100.000 ⁽⁴⁾
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=20)	KPH (LOD=20)	100.000 ⁽⁴⁾
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)	-

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. ⁽¹⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
3. ⁽²⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
4. ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
5. ⁽⁴⁾QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
6. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
7. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
8. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
9. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
7. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02715/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KK3-4
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Không khí xung quanh
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.KK3: "Khu vực bồn chứa bùn. Tọa độ: X:1201267,18 Y:582327,39"
26.1012.KK4: "Cổng vào nhà máy. Tọa độ: X:1201307,35 Y:582287,60"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK3	26.1012.KK4	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,1	30,4	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	67,8	67,4	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,4	0,4	-
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	106° Đông Đông Nam	117° Đông Đông Nam	-
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,3	61,7	70 ⁽²⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	147	166	300 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	6.071	6.076	30.000 ⁽¹⁾
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	51	49	350 ⁽¹⁾
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	69	63	200 ⁽¹⁾
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	22 ⁽¹⁾





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK3	26.1012.KK4	
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	500 ⁽¹⁾
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=20)	KPH (LOD=20)	1.000 ⁽¹⁾
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)	5.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
3. ⁽²⁾QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
9. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 02716/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.1012.KK5-6
---------------------------	---	-------------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CHÂN LÝ Ngày lấy mẫu : 14/03/2026
Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY TÁI CHẾ VÀ XỬ LÝ CTNH CHÂN LÝ Loại mẫu : Không khí xung quanh
Lô G, Cụm công nghiệp Hoàng Gia, Xã Mỹ Hạnh,
Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 26.1012.KK5: "Ngã ba đường vào nhà máy. Tọa độ: X:1201177,39 Y:582282,32"
26.1012.KK6: "Phía cuối dự án, gần khu vực nhà dân. Tọa độ: X:1201223,25 Y:582273,81"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK5	26.1012.KK6	
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46:2022/BTNMT	30,7	31,3	-
2	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46:2022/BTNMT	67,1	66,5	-
3	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT	0,5	0,5	-
4	Hướng gió ^(b)	°	QCVN 46:2022/BTNMT	131° Đông Nam	86° Đông Nam	-
5	Tiếng ồn ^(b)	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,1	60,4	70 ⁽²⁾
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	US EPA IO-2.1	192	139	300 ⁽¹⁾
7	CO ^(b)	µg/Nm ³	SOP-KK09/LAET	KPH (LOD=6.000)	KPH (LOD=6.000)	30.000 ⁽¹⁾
8	SO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	45	41	350 ⁽¹⁾
9	NO ₂ ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	52	51	200 ⁽¹⁾
10	Benzen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	22 ⁽¹⁾
11	Toluen ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=6)	KPH (LOD=6)	500 ⁽¹⁾
12	Xylen (o-, m-, p-) ^(b)	µg/Nm ³	NIOSH 1501	KPH (LOD=20)	KPH (LOD=20)	1.000 ⁽¹⁾



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		Giới hạn
				26.1012.KK5	26.1012.KK6	
13	Hydrocacbon (THC) ^(b)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	NIOSH 1500	KPH (LOD=50)	KPH (LOD=50)	5.000 ⁽¹⁾

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. ⁽¹⁾QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
3. ⁽²⁾QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn
4. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
7. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
8. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.
9. Hydrocacbon (THC) bao gồm: n-Heptan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên

